

Chúng tôi duy trì quan điểm về diễn biến VN Index như thời điểm đầu năm. Theo đó, chúng tôi kỳ vọng xu hướng chủ đạo của thị trường, theo kịch bản cơ sở, sẽ là đi ngang trong phần lớn thời gian của nửa đầu năm do chưa có nhiều động lực hỗ trợ, trong khi cũng không có các rủi ro đáng kể nào. Do đó, việc VN Index đã tăng 10.3% trong tháng Một sẽ làm hạn chế dư địa tăng giá trong tháng Hai. Trên thực tế, phiên giảm mạnh đầu tháng với thanh khoản cao đã kết thúc xu hướng phục hồi ngắn hạn. Cùng với đó, việc thị trường điều chỉnh là cần thiết để thu hút dòng tiền trong bối cảnh chưa có động lực mới từ các yếu tố cơ bản. **Trong kịch bản cơ sở, chúng tôi kỳ vọng VNIndex sẽ dao động trong khoảng 1010- 1100.**

Trên thực tế, động thái nâng lãi suất của Fed diễn ra đúng với dự báo của thị trường đã không tạo ra nhiều thay đổi lớn lên tâm lý thị trường. Tương tự, tỷ giá và lãi suất trong nước cũng không có nhiều biến động. Trong các tháng tới, chúng tôi không kỳ vọng Fed sẽ thay đổi kế hoạch nâng lãi suất của mình khi diễn biến nền kinh tế Mỹ đang cho thấy nhiều con số tích cực hơn so với kỳ vọng trước đó. Diễn biến này cũng có thể điều chỉnh lại kỳ vọng của thị trường về tốc độ giảm của lạm phát trong các tháng tới.

Trong khi đó, diễn biến KQKD Q4-2022 đang yếu hơn so với kỳ vọng chung. Theo thống kê dữ liệu 370 doanh nghiệp thuộc sàn HOSE, xu hướng chung ở hầu hết các ngành là tăng trưởng bắt đầu giảm tốc trong Q4/2022. Tổng doanh thu (bao gồm tổng thu nhập hoạt động đối với ngành Ngân hàng) chỉ tăng 7% YoY, trong khi LNST cho cổ đông công ty mẹ giảm 27% YoY. Tính chung cả năm, tăng trưởng doanh thu và LNST lần bị kéo lùi về mức 17% YoY và 6% YoY.

LNST tăng trưởng âm trong quý gần nhất, cùng với đợt tăng giá trong tháng Một, khiến định giá P/E của VN Index thị trường tăng lên mức 14.0x. Đây là mức cao nhất kể từ cuối Q3 năm ngoái trong khi vẫn chưa có tín hiệu thực sự tích cực nào từ các yếu tố vĩ mô cũng như KQKD của các doanh nghiệp niêm yết.

Trong khi thị trường vẫn đang chờ đợi những luồng gió mới từ yếu tố cơ bản, khoảng trống thông tin vẫn còn khá dài phía trước, cho tới khi mùa ĐHCĐ và KQKD Q1-2023 lần lượt diễn ra. **Trong tháng Hai, khả năng thị trường điều chỉnh đang cao hơn, chiến lược giải ngân thận trọng với việc hạn chế sử dụng đòn bẩy tài chính sẽ giúp NĐT bảo toàn danh mục tốt hơn.** Ngoài ra, những nhịp đi xuống của thị trường là cơ hội để NĐT giao dịch ngắn hạn tối ưu hóa hiệu quả đầu tư trong năm 2023. Trong đó, **một số cổ phiếu mà chúng tôi cho rằng NĐT có thể quan sát giải ngân nếu có nhịp điều chỉnh mạnh của thị trường gồm GMD, FPT, và QNS.**



Ban Chiến lược

Nguyễn Thị Phương Lam

lam.ntp@vdsc.com.vn

Đỗ Thanh Tùng

tung.dt@vdsc.com.vn

Lê Tự Quốc Hưng

hung.ltq@vdsc.com.vn

Trần Thị Ngọc Hà

ha.ttn@vdsc.com.vn

NỘI DUNG

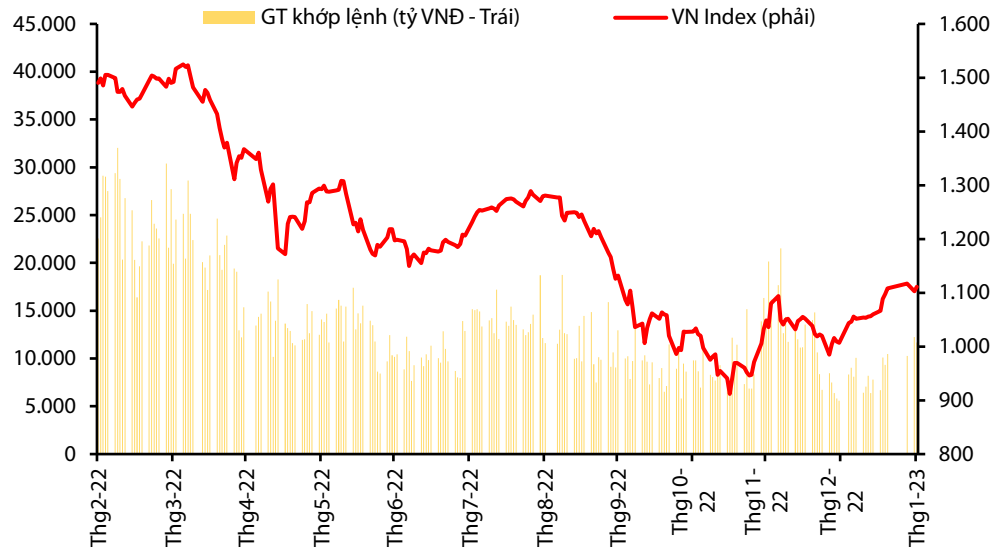
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THÁNG MỘT: KHỞI ĐẦU NHƯ MƠ	3
TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG HAI: THIẾU VẮNG ĐỘNG LỰC MỚI	9
CHIẾN LƯỢC VÀ Ý TƯỞNG ĐẦU TƯ THÁNG HAI	13
DANH SÁCH CỔ PHIẾU QUAN TÂM	15

55 mã cổ phiếu được CTCK Rồng Việt nghiên cứu (tìm hiểu, trao đổi thông tin với doanh nghiệp) và có những phân tích, đánh giá cụ thể trong các “Báo cáo phân tích công ty” hoặc “Nhật ký chuyên viên” phát hành từ trước đến nay.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THÁNG MỘT: KHỞI ĐẦU NHƯ MƠ

Trong tháng Một, thị trường chứng khoán Việt Nam khởi đầu tích cực khi các chất xúc tác liên tiếp củng cố tâm lý nhà đầu tư. Trung Quốc có động thái rõ ràng hơn trong việc mở cửa, tín hiệu khởi động tích cực từ các dự án cao tốc Bắc Nam kích thích dòng tiền vào các nhóm cổ phiếu hưởng lợi (Nguyên vật liệu, thủy sản,...). Báo cáo lạm phát ở châu Âu, và Mỹ đang giảm đi đáng kể, tạo kỳ vọng về một chính sách tiền tệ bớt điều hâu hơn trong thời gian tới. Điều này cũng hàm ý rằng NHNN sẽ có nhiều dư địa để điều tiết CSTT theo hướng ưu tiên ổn định lãi suất, hỗ trợ nền kinh tế và các lĩnh vực kinh doanh đang gặp khó khăn.

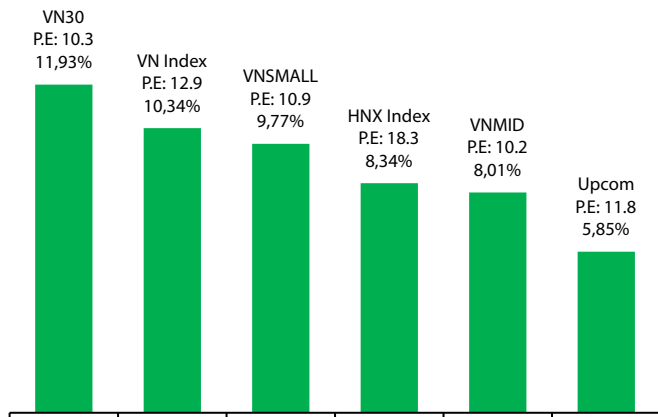
Hình 1: VN Index, Tháng 2/2022 – Tháng 1/2023



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rông Việt

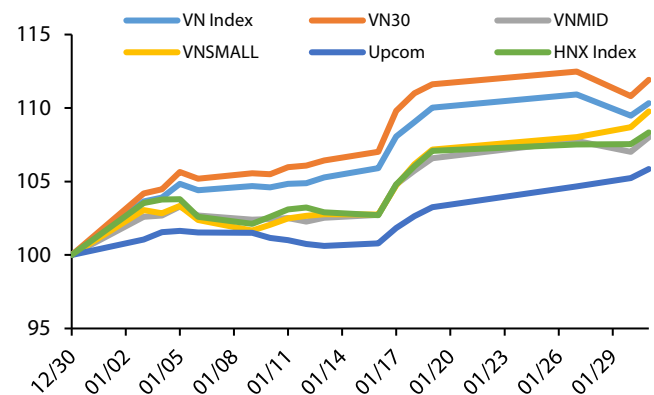
Kết quả, VN Index (+10.34%) ghi nhận tháng tăng điểm tốt nhất trong vòng 12 tháng trở lại đây và kết thúc tại 1.111,18 điểm. Các chỉ số phụ khác cũng ghi nhận sắc xanh rất tích cực, VN30, VN MIDCAP và VN SMALLCAP tăng lần lượt tăng 11,93%, 8,01% và 9,77%.

Hình 2: Tỷ suất sinh lời các chỉ số chứng khoán tháng 1/2023



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rông Việt

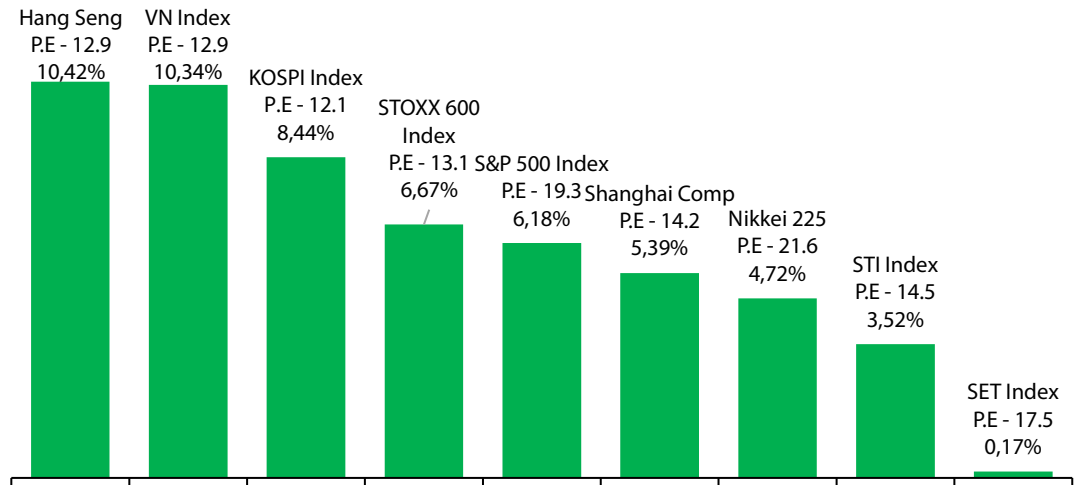
Hình 3: Diễn biến các chỉ số trong tháng 11/2023



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rông Việt

Tháng Một cũng ghi nhận sắc xanh tích cực ở các thị trường khác trên toàn cầu. So sánh với các chỉ số khác, VN Index (+10,34%) nằm trong nhóm dẫn đầu cùng với Hang Seng (+10,42%).

Hình 4: Diễn biến các chỉ số toàn cầu trong tháng 1/2023



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rông Việt

Mặc dù thị trường ghi nhận sự tích cực về điểm số, thanh khoản vẫn là vấn đề đáng lưu tâm khi giảm mạnh đang kể so với tháng 12. Giá trị giao dịch khớp lệnh bình quân trên sàn HOSE giảm về mức 8.883 tỷ đồng/phần (-25,9% MoM). Nguyên một phần có thể là do dòng tiền khối ngoại đã chững lại so với 2 tháng trước đó và hiệu ứng mùa vụ của kỳ nghỉ lễ Tết Nguyên Đán 2023.

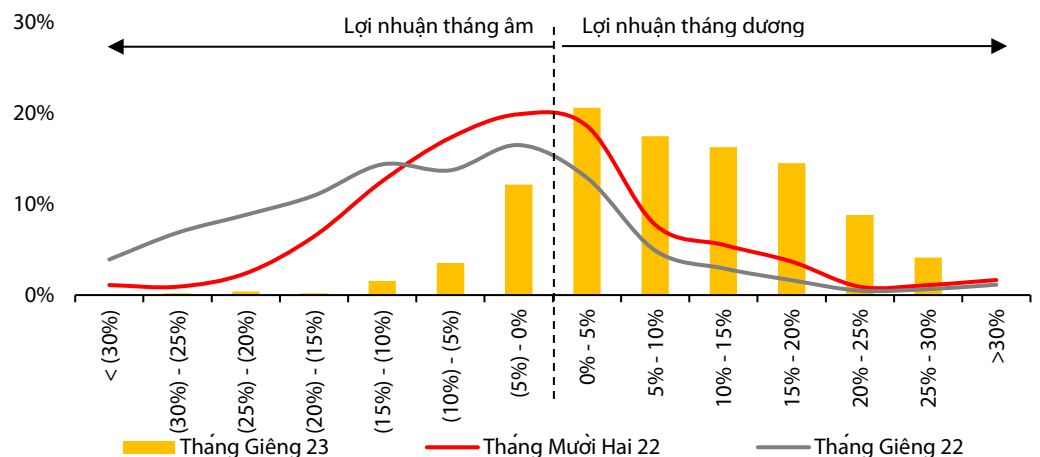
Bảng 1: Thanh khoản của các nhóm chỉ số chứng khoán trong tháng 1/2023 (Tỷ đồng)

	VN Index	VN30	VNMID	VNSMALL	Upcom	HNX Index
Thg1-23	8,883	3,835	3,656	1,080	391	914
Thg12-22	11,993	5,434	4,915	1,339	407	1,254
Thg11-22	9,850	4,647	3,947	1,056	349	842
Thg10-22	9,253	3,646	4,042	1,252	404	883
Thg9-22	11,772	3,737	5,660	1,838	581	1,300
Thg8-22	14,041	4,810	6,451	2,248	825	1,763
Thg7-22	10,230	3,659	4,508	1,343	675	1,143
Thg6-22	13,071	4,848	5,753	1,899	1,109	1,507
Thg5-22	13,718	5,431	5,495	2,081	725	1,619
Thg4-22	20,612	7,423	8,419	3,640	1,202	2,289
Thg3-22	24,785	7,623	10,565	4,954	1,799	3,498
Thg2-22	21,754	8,511	8,390	3,665	1,538	2,407

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rông Việt

Có 82% cổ phiếu ghi nhận mức sinh lợi dương trong tháng Một. Trong đó 44% số cổ phiếu có mức sinh lợi trên 10%. Như Hình 5 cho thấy mức độ tập trung của dữ liệu nghiêng về phía bên phải nhiều hơn so với tháng trước và cùng kỳ năm trước.

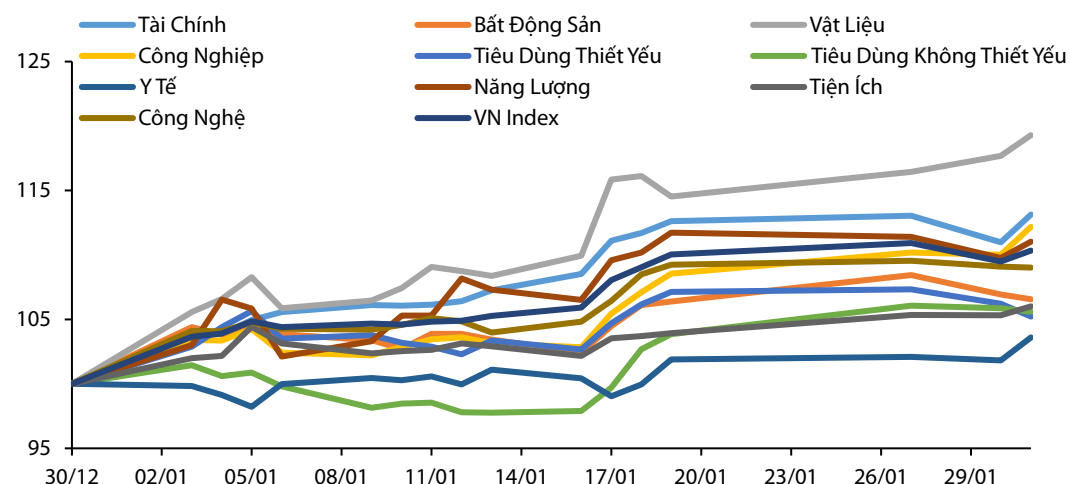
Hình 5: Phân phối lợi nhuận tháng trên sàn HSX và HNX



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rông Việt

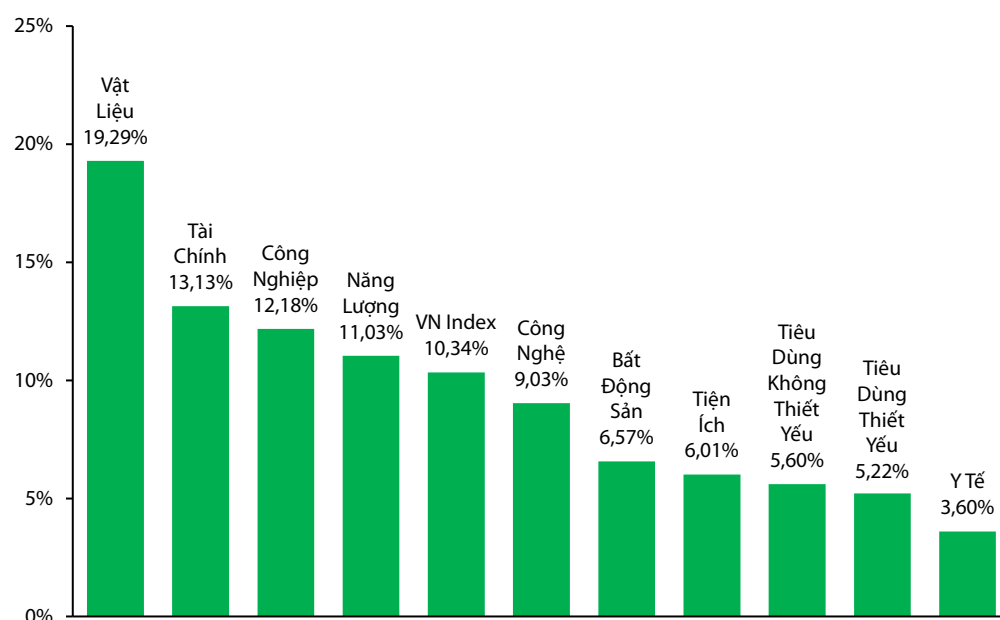
Trong số các ngành dựa trên chuẩn GICS, tất cả các nhóm ngành đều ghi nhận mức sinh lợi tháng dương. Trong đó, 4/10 nhóm ngành có hiệu suất vượt trội hơn VN Index gồm Vật Liệu (+19,3%), Tài Chính (+13,13%), Công Nghiệp (+12,18%), và Năng Lượng (+11,03%). Trong nhóm Vật Liệu **HPG** (+22,8%), **GVR** (+21,0%), **HSG** (+34,2%), **HT1** (+38,7%) là những cổ phiếu tác động nhiều nhất đến hiệu suất của ngành và VN Index. Tuy nhiên, **VCB** (+14,8%), **BID** (+16,8%), **CTG** (+11,9%) và **ACB** (+18,9%) thuộc nhóm Tài chính và tác động đáng kể hơn lên VN Index.

Hình 6: Diễn biến các nhóm ngành trong tháng 1/2023



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

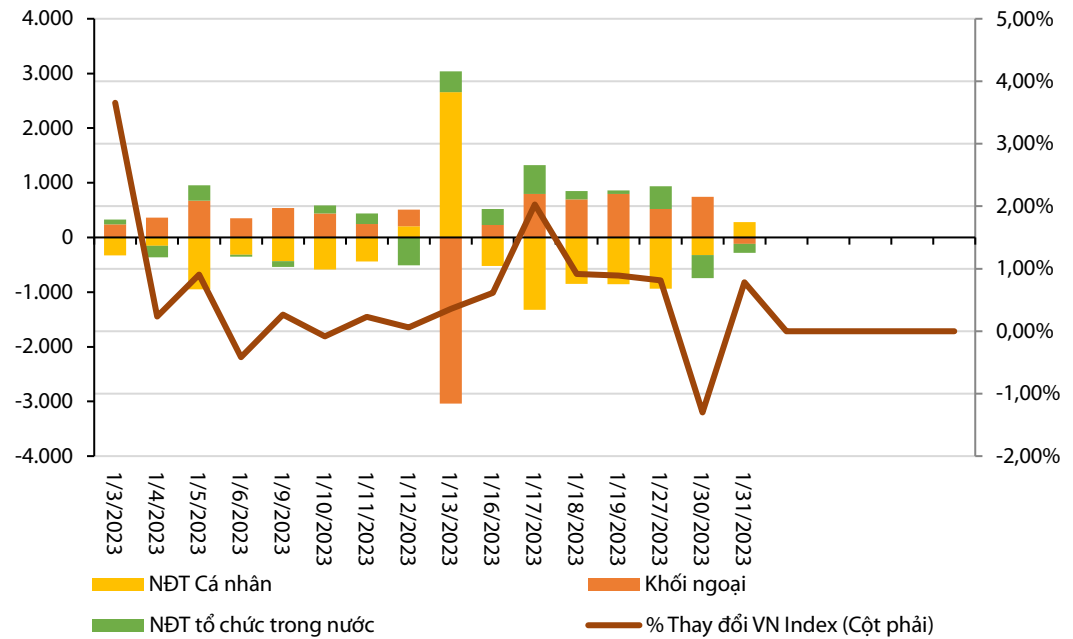
Hình 7: Suất sinh lợi các nhóm ngành trong tháng 1/2023



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

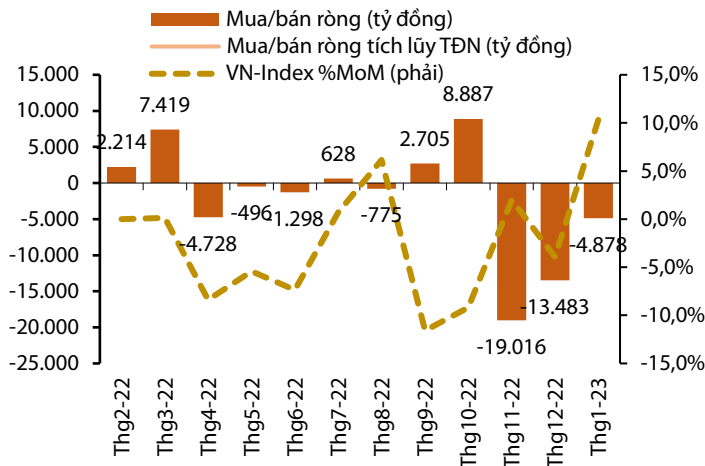
Hình 8: Diễn biến giao giữa các nhóm nhà đầu tư và suất sinh lợi của VNINDEX trong tháng 1/2023 (Tỷ đồng)



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rồng Việt

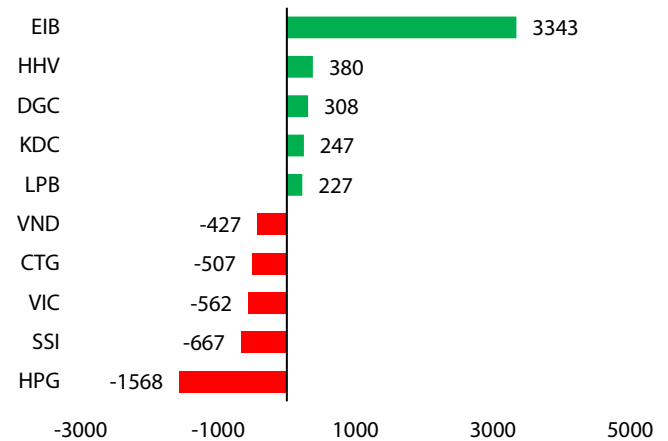
Nhà đầu tư cá nhân trong nước, tiếp tục ghi nhận tháng bán ròng thứ 3 liên tiếp với giá trị ít hơn, -4.878 tỷ đồng. Tuy nhiên, áp lực bán thực tế có thể nhẹ hơn do tác động của phiên bán ròng gần 3.000 tỉ liên quan đến cổ phiếu EIB trong phiên ngày 13/01. Ngoài ra, danh sách các cổ phiếu được giao dịch đáng chú ý bởi nhà đầu tư cá nhân trong nước được tổng hợp lại trong hình 9.

Hình 9: Diễn biến mua ròng/bán ròng hàng tháng của nhà đầu tư cá nhân trong nước YTD trên sàn HSX



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rồng Việt
TĐN: Từ đầu năm

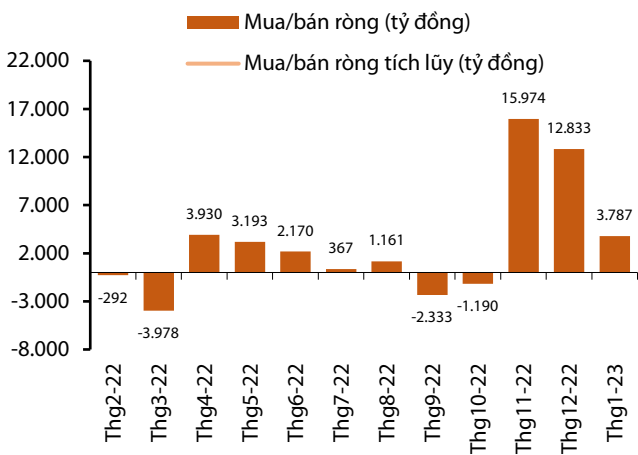
Hình 10: Danh sách các cổ phiếu được mua/bán mạnh nhất bởi nhà đầu tư cá nhân trong nước tại sàn HSX trong tháng 1/2023 (tỷ đồng)



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rồng Việt

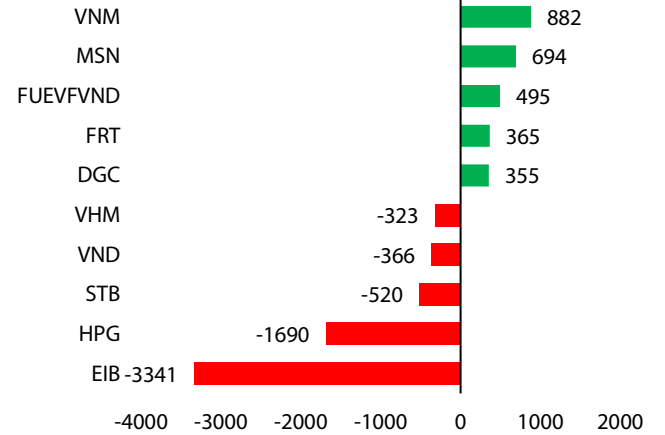
Khối ngoại mua ròng tháng thứ ba liên tiếp với giá trị 3.787 tỷ đồng, thấp hơn đáng kể so với 2 tháng trước đó. Tuy nhiên, con số này chưa thật sự khách quan về quy mô mùa ròng của khối ngoại. Nếu loại trừ việc giao dịch đột biến hơn 3.000 tỷ đồng liên quan đến cổ phiếu EIB, con số gần 7.000 tỷ đồng vẫn là đáng kể so với thời gian trước tháng 10/2022. Lũy kế mua ròng trong 3 tháng vừa qua đạt 32.594 tỷ đồng. Danh sách các cổ phiếu được mua/bán nhiều nhất được tổng hợp trong hình 12.

Hình 11: Diễn biến mua ròng/bán ròng hàng tháng của khối ngoại YTD trên sàn HSX



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rồng Việt

Hình 12: Các cổ phiếu được nhà đầu tư nước ngoài mua/bán nhiều nhất trên HOSE trong Tháng 1/2023 (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rồng Việt

Bảng 2: Giá trị khối ngoại mua ròng/bán ròng theo ngành trên sàn HOSE

Ngành	Giá trị giao dịch ròng (tỷ đồng)	Khối lượng giao dịch ròng (nghìn cổ phiếu)
Dịch vụ tài chính	2.597	133.898
Tài nguyên Cơ bản	1.465	73.308
Bất động sản	1.423	44.876
Thực phẩm và đồ uống	449	20.513
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	221	14.564
Dầu khí	214	9.704
Bán lẻ	120	2.271
Bảo hiểm	116	3.237
Du lịch và Giải trí	78	659
Xây dựng và Vật liệu	70	7.716
Hàng cá nhân & Gia dụng	31	646
Y tế	29	838
Ô tô và phụ tùng	28	2.948
Truyền thông	0	5
Viễn thông	0	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-54	-2.200
Công nghệ Thông tin	-63	-5.893
Hóa chất	-467	-9.530
Ngân hàng	-2.470	-93.899

Nguồn: Fiinpro, CTCK Rồng Việt

Trong tháng Một, dòng vốn nước ngoài tiếp tục chảy mạnh vào thị trường chứng khoán châu Á trong đó có Việt Nam. Việt Nam ghi nhận dòng vốn ròng 115 triệu USD. Theo số liệu của chúng tôi, dòng vốn vào ròng trong 3 tháng qua ước đạt hơn 1 tỷ USD.

Dòng vốn từ các quỹ ETF tiếp tục duy trì sự tích cực như hai tháng trước đó. Các quỹ ETF nước ngoài dẫn đầu trong việc giải ngân vốn trị giá 132,89 triệu USD, các quỹ ETF trong nước cũng mua ròng trị giá 31,3 triệu USD. Trong đó, iShare MSCI ETF dẫn đầu các quỹ ngoại khi giải ngân 90,8 triệu USD, trong khi quỹ DCVFMVN30 ETF (25,2 triệu USD) dẫn dắt nhóm quỹ nội.

Bảng 3: Dòng vốn đầu tư danh mục nước ngoài vào thị trường chứng khoán

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)		
	1Thg	3Thg	TĐN
Đài Loan	▲ 7,241	7,241	7,241
Thái Lan	▲ 545	545	545
Philippines	▲ 122	122	122
Việt Nam	▲ 115	115	115
Hàn Quốc	▲ 95	5,335	5,335
Sri Lanka	▲ 1	1	1
Maylaysia	▼ -59	-59	-59
Indonesia	▼ -204	-204	-204
Nhật Bản	▼ -696	-696	-696
Ấn độ	▼ -3,090	-3,090	-3,090

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rông Việt
3thg: Từ đầu quý
TĐN: Từ đầu năm

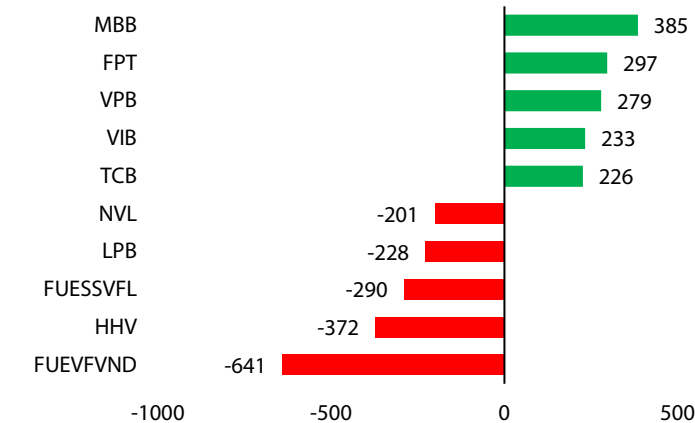
Bảng 4: Dòng vốn từ các quỹ ETF

Tên ETF	Tài sản (Triệu \$)	Lưu chuyển dòng vốn (Triệu USD)		
		1Thg	3Thg	TĐN
Tổng các quỹ ETF	3,686	▲ 164.14	▲ 111.78	▲ 221.99
ETFs ngoại	2,499	▲ 132.89	▲ 42.78	▲ 206.35
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	689	90.80	345.23	(49.42)
VanEck Vectors Vietnam ETF	539	85.49	187.30	(22.55)
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	321	26.27	63.93	(70.90)
Fubon FTSE Vietnam ETF	791	1.48	212.63	454.46
Asian Growth CUBS ETF	11	-	-	12.97
Premia MSCI Vietnam ETF	17	-	(1.94)	0.85
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	5	-	0.53	(8.46)
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	127	(71.15)	11.87	(110.59)
ETFs nội	1,187	▲ 31.25	▲ 69.00	▲ 15.64
DCVFMVN30 ETF Fund	375	25.24	48.32	-
SSIAM VNFIN LEAD ETF	171	6.46	32.54	-
DCVFMVN Diamond ETF	601	-	-	(27.96)
MAFN VN30 ETF	27	-	(7.68)	49.38
SSIAM VN30 ETF	3	-	-	(3.91)
VinaCapital VN100 ETF	4	-	-	-
SSIAM VNX50 ETF	6	(0.45)	(4.17)	(1.86)

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rông Việt

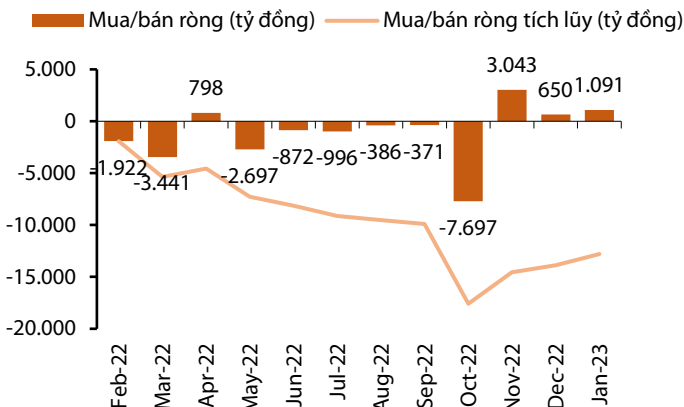
Các nhà đầu tư tổ chức trong nước về cùng phía với nhóm nhà đầu tư ngoại trong tháng Một khi mua ròng 1.091 tỷ đồng. Lũy kế mua ròng ba tháng gần nhất đạt 4.784 tỷ đồng. Các cổ phiếu được giao dịch nhiều nhất bởi các nhà đầu tư tổ chức trong nước được thể hiện trong hình 13.

Hình 13: Các cổ phiếu được nhà đầu tư tổ chức trong nước mua/bán nhiều nhất trên HOSE trong Tháng 1/2023 (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rông Việt

Hình 14: Hoạt động giao dịch của các nhà đầu tư tổ chức trong nước trên sàn HSX (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rông Việt

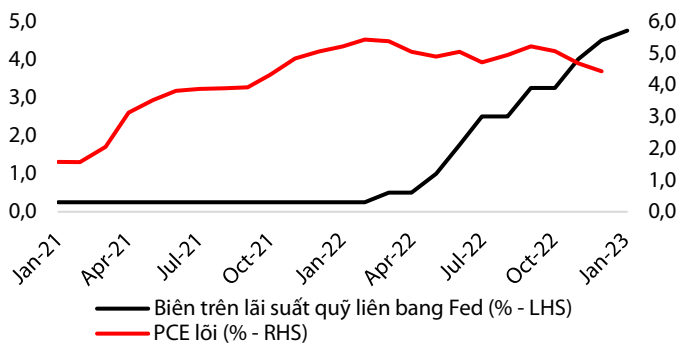
TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG HAI: THIẾU VẮNG ĐỘNG LỰC MỚI

Chúng tôi duy trì quan điểm về VN Index như thời điểm đầu năm. Theo đó, chúng tôi kỳ vọng xu hướng chủ đạo của thị trường, theo kịch bản cơ sở, sẽ là đi ngang trong phần lớn thời gian của nửa đầu năm do chưa có nhiều động lực hỗ trợ, trong khi cũng không có các rủi ro đáng kể nào. Do đó, việc VN Index đã tăng 10.3% trong tháng Một sẽ làm hạn chế dự địa tăng giá trong tháng Hai. Trên thực tế, phiên giảm mạnh đầu tháng với thanh khoản cao đã kết thúc xu hướng phục hồi ngắn hạn. Cùng với đó, việc thị trường điều chỉnh là cần thiết để thu hút dòng tiền trong bối cảnh chưa có động lực mới từ các yếu tố cơ bản. Trong kịch bản cơ sở, chúng tôi kỳ vọng VNIndex sẽ dao động trong khoảng 1010- 1100.

Các yếu tố cơ bản thiếu vắng động lực hỗ trợ mới.

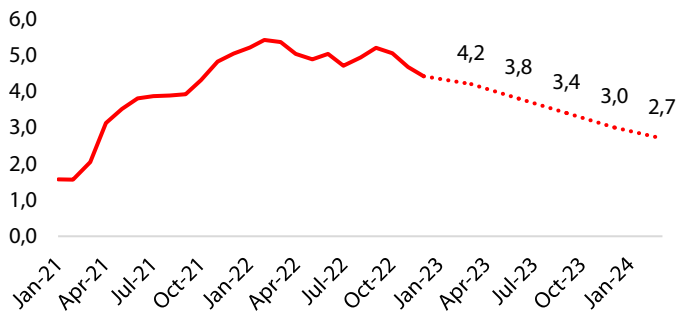
Chính sách tiền tệ của FED diễn ra đúng với dự báo. Trên thực tế, việc FED và các NHTW khác tăng lãi suất đúng như dự đoán đã không tạo ra nhiều thay đổi lớn lên tâm lý thị trường. Điểm cộng là các nhà tạo lập chính sách của FED bắt đầu thừa nhận rằng lạm phát đã bắt đầu hạ nhiệt. Trong khi lạm phát tại Mỹ có những tín hiệu tích cực hơn dự báo trong các tháng tới sẽ là chất xúc tác mang tính thời điểm cho thị trường, chính sách tiền tệ của FED sẽ ít khả năng có sự thay đổi lớn cho đến năm 2024 khi dự báo PCE lõi vẫn ở mức 3,5% trong năm nay, cao hơn mức mục tiêu 2%. Ngoài ra, sức khỏe của nền kinh tế Mỹ dường như vẫn chưa rơi vào trạng thái quá yếu để khiến FED phải thay đổi mức lãi suất cuối của mình. Trong tháng 1/2023, số việc làm mới tăng mạnh đột biến 517 nghìn, so với với tăng bình quân tháng của năm 2022 là 404 nghìn, và tỷ lệ thất nghiệp giảm về mức 3.4%).

Hình 15: Lãi suất quỹ liên bang Fed và chỉ số PCE lõi của Mỹ



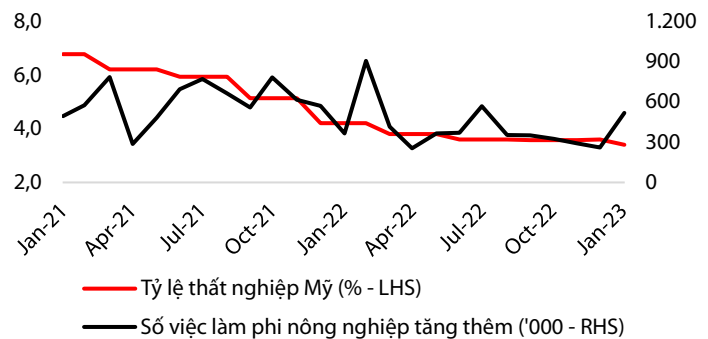
Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Hình 17: Dự báo chỉ số PCE lõi (%)



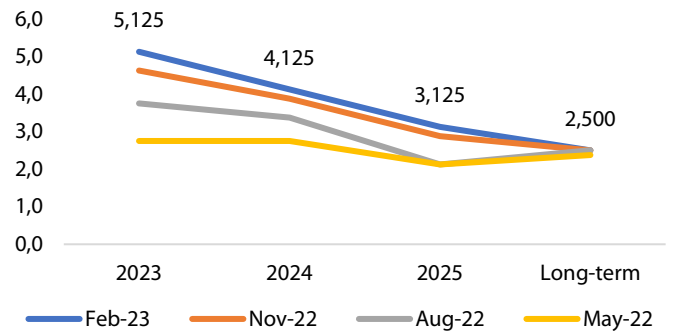
Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Hình 16: Việc làm tăng thêm và tỷ lệ thất nghiệp



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

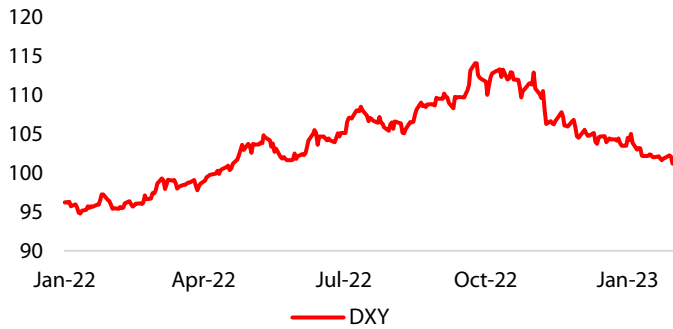
Hình 18: Mức lãi suất mục tiêu (%) cho các năm theo kỳ vọng của Fed



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

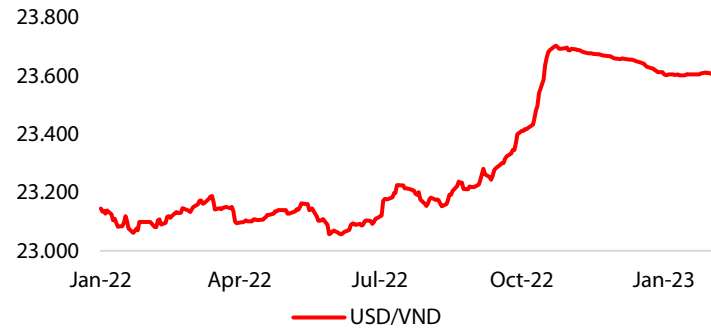
Tỷ giá trong nước và chỉ số DXY không có nhiều biến động sau khi Fed tăng lãi suất. Trong ngắn hạn, chúng tôi cho rằng áp lực lên tỷ giá đối với SBV là không lớn khi (1) tốc độ tăng lãi suất của FED chậm hơn, vốn đã được dự báo từ trước, làm giảm áp lực rút ròng đồng USD tại các quốc gia và (2) thặng dư thương mại lớn trong T1. Điều này cũng sẽ làm giảm sức ép lên lãi suất khi thanh khoản đồng VNĐ dồi dào hơn, mặc dù SBV có thể sẽ phải hút ròng trên OMO trong tháng Hai để trung hòa lượng nội tệ bán ra, nhằm kiểm soát lạm phát tốt hơn. Trước đó, SBV liên tục bơm ròng trên kênh OMO khiến lãi suất qua đêm liên ngân hàng vẫn đang trong xu hướng đi ngang kể từ thời điểm trước Tết tới nay.

Hình 19: Chỉ số đồng Dollar



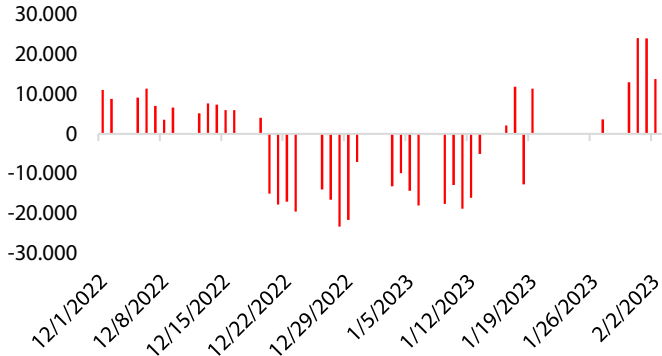
Nguồn: Bloomberg, CTCK Rông Việt

Hình 20: Tỷ giá USD/VND



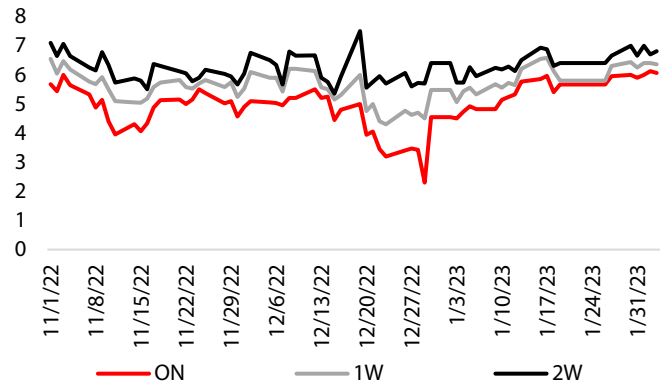
Nguồn: Bloomberg, CTCK Rông Việt

Hình 21: Giá trị bơm, hút ròng thị trường OMO (tỷ đồng)



Nguồn: SBV, CTCK Rông Việt

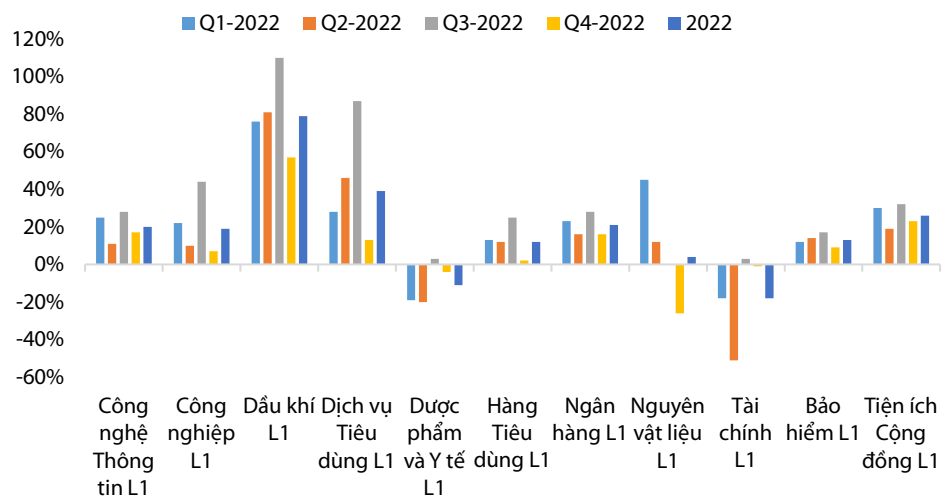
Hình 22: Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rông Việt

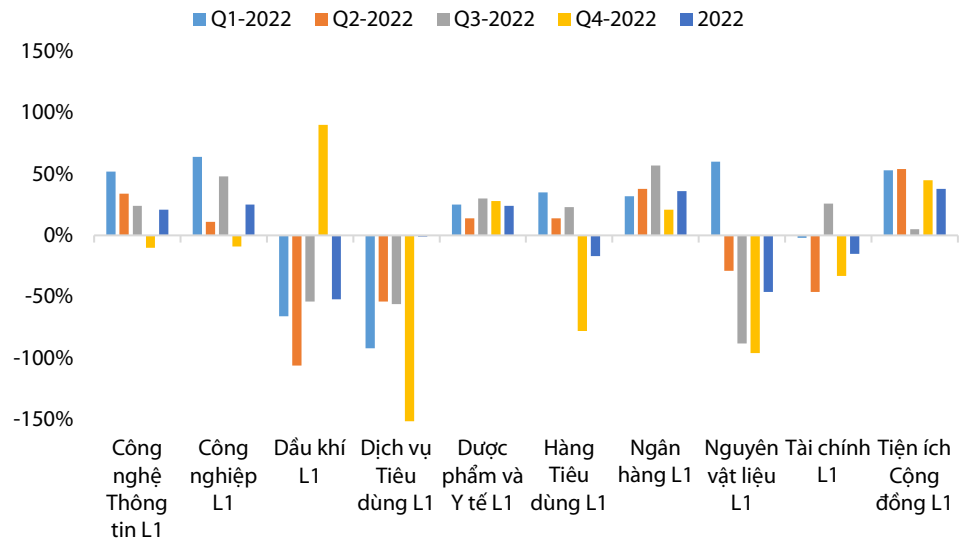
Lợi nhuận quý 4 đang kém hơn so với kỳ vọng. Theo thống kê dữ liệu 370 doanh nghiệp thuộc sàn HOSE, xu hướng chung ở hầu hết các ngành là tăng trưởng bắt đầu giảm tốc trong Q4/2022. Tổng doanh thu (bao gồm tổng thu nhập hoạt động đối với ngành Ngân hàng) chỉ tăng 7% YoY, trong khi LNST cho cổ đông công ty mẹ giảm 27% YoY. Tính chung cả năm, tăng trưởng doanh thu và LNST lần bị kéo lùi về mức 17% YoY và 6% YoY. Trong khi thị trường vẫn đang “tiêu hóa” những dữ liệu KQKD Q4-2022 kém khả quan, khoảng trống thông tin về KQKD phía trước (cho tới khi mùa ĐHCĐ và KQKD Q1-2023 lần lượt diễn ra) cũng khiến rủi ro điều chỉnh của thị trường cao hơn trong tháng Hai.

Hình 23: Tốc độ tăng trưởng doanh thu theo ngành cấp 1



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rông Việt* Số liệu được ước tính dựa vào danh sách 370 doanh nghiệp niêm yết trên HOSE đã có dữ liệu Q4-2022

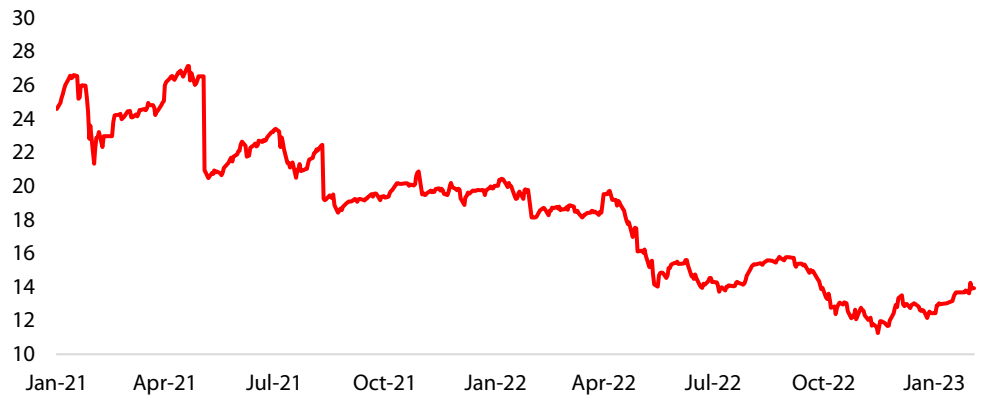
Hình 24: Tốc độ tăng trưởng LNST theo ngành cấp 1



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rồng Việt* Số liệu được ước tính dựa vào danh sách 370 doanh nghiệp niêm yết trên HOSE đã có dữ liệu Q4-2022

LNST tăng trưởng âm trong quý gần nhất, cùng với đợt tăng giá trong tháng Một, khiến định giá P/E của VN Index thị trường tăng lên mức 14.0x. Đây là mức cao nhất kể từ cuối Q3 năm ngoái trong khi vẫn chưa có tín hiệu thực sự tích cực nào. Trong ngắn hạn, khả năng thị trường điều chỉnh đang cao hơn, phù hợp với chiến lược mua tích lũy vùng giá thấp.

Hình 25: Định giá VN Index

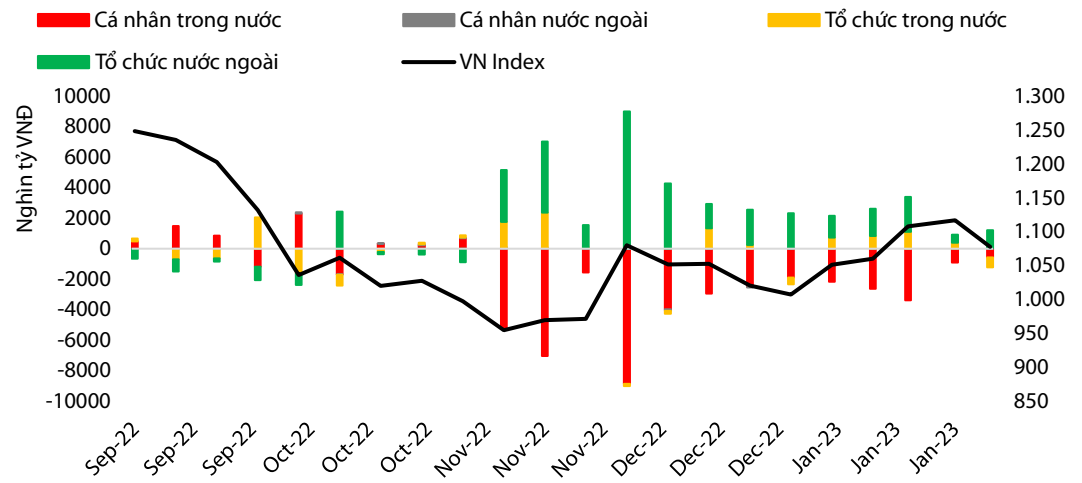


Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Dòng tiền cũng chưa mang tính hỗ trợ cho chỉ số trong ngắn hạn

Trong phần lớn thời gian từ đầu năm tới nay, chuỗi mua ròng của tổ chức nước ngoài vẫn chưa chấm dứt. Có thể dòng vốn ngoại sẽ tiếp tục nâng đỡ nhóm vốn hóa lớn, và chỉ số, như đã làm trong nhịp tăng trước Tết, nhưng sẽ khó hình thành một đợt tăng mới bền vững khi dòng tiền từ nhóm NĐT cá nhân đã liên tục rút ròng, sau các đợt hiện thực hóa lợi nhuận trong thời gian gần đây. Rõ ràng, thị trường cần một nhịp điều chỉnh lành mạnh để thu hút dòng tiền quay trở lại và tạo động lực cho một đợt tăng mới bền vững hơn khi các sự thay đổi trong nền tảng vĩ mô được kỳ vọng sẽ diễn ra tích cực hơn trong nửa cuối năm.

Hình 26: Giao dịch khớp lệnh theo NĐT theo tuần



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rông Việt

Phòng thủ

Tính từ khi thiết lập mức đáy vào ngày 16/11/2022, thị trường đã có nhịp hồi phục thứ hai (từ cuối tháng 12/2022) chủ yếu nhờ cú huých tâm lý từ NĐT nước ngoài cũng như áp lực thanh khoản hệ thống ngân hàng được giảm nhẹ. Sang tháng Hai, chúng tôi nhận thấy không có nhiều thông tin trọng yếu tác động lên thị trường. Trong khi đó, mùa công bố KQKD quý 4/2022 đang diễn ra với số liệu được công bố tương đối kém khả quan so với cùng kỳ. Số liệu của FiinPro cho thấy tính đến cuối tháng 1/2023, có 753/1609 doanh nghiệp đã công bố KQKD Q4/2022 với tổng lợi nhuận giảm hơn 27% YoY với 12/19 nhóm ngành chứng kiến lợi nhuận suy giảm. Điều này có thể tạo nên tâm lý kém tích cực và áp lực bán khiến chỉ số điều chỉnh mạnh trong một số thời điểm nhất định.

Bảng 5: KQKD Q4/2022

Ngành	Tăng trưởng Q4 YoY		Mức tăng giá tháng 1/2023	Định giá hiện tại		Định giá	
	Doanh thu	LNST		P/E	P/B	P/E TB 5 năm	P/B TB 5 năm
Ngân hàng	16,8%	23,7%	13,2%	9,2	1,7	14,1	1,6
Bảo hiểm	30,5%	81,7%	5,7%	11,4	1,3	12,8	1,2
Dịch vụ tài chính	-20,8%	-91,4%	17,0%	16,7	1,3	12,3	1,5
Bất động sản	2,7%	-38,7%	6,4%	11,3	1,6	21,48	1,65
Thực phẩm và đồ uống	4,3%	-26,4%	5,4%	19,4	3,6	16,10	2,06
Hàng & Dịch vụ công nghiệp	25,5%	41,0%	2,5%	14,2	2,5	17,48	1,35
Tiện ích	14,4%	10,8%	6,1%	11,8	2,3	15,45	1,54
Xây dựng và Vật liệu	23,6%	-37,9%	11,3%	12,8	1,1	20,32	1,27
Du lịch và Giải trí	109,3%	-105,0%	3,2%	-	145,4	20,03	3,23
Tài nguyên Cơ bản	-30,5%	-134,1%	19,0%	19,5	1,1	12,59	0,89
Hóa chất	-8,7%	-30,0%	10,7%	6,7	1,3	17,88	1,25
Dầu khí	31,9%	-9,2%	20,0%	7,1	1,2	25,50	1,75
Viễn thông	13,6%	6,2%	12,8%	9,0	2,4	9,55	1,95
Bán lẻ	-11,2%	-56,4%	7,8%	16,8	2,6	23,49	2,13
Công nghệ Thông tin	18,6%	2,9%	8,1%	16,8	4,0	14,21	1,26
Hàng cá nhân & Gia dụng	2,5%	-34,6%	5,4%	8,8	1,2	10,56	1,54
Y tế	15,3%	23,6%	3,1%	13,0	1,7	13,63	1,72
Truyền thông	-36,4%	-30,4%	2,4%	20,4	3,1	8,76	0,87
Ô tô và phụ tùng	-21,1%	-50,7%	3,7%	11,2	0,8	10,9	1,3

Nguồn: FiinPro, CTCK Rồng Việt

Mặt khác, chúng tôi cho rằng số liệu kinh doanh kém khả quan trong quý 4/2022 là sự hiện thực hóa về bức tranh kinh tế toàn cầu suy yếu đã được nhìn thấy từ trước đó. Như quan điểm về TTCK mà chúng tôi đã đề cập trong Báo cáo chiến lược năm 2023 ([xem tại đây](#)), chúng tôi không kỳ vọng có nhiều thông tin hỗ trợ thị trường trong giai đoạn nửa đầu năm, chiến lược giải ngân thận trọng với việc hạn chế sử dụng đòn bẩy tài chính sẽ giúp NĐT bảo toàn danh mục tốt hơn. Ngoài ra, những nhịp đi xuống của thị trường là cơ hội để NĐT giao dịch ngắn hạn tối ưu hóa hiệu quả đầu tư trong năm 2023. Trong đó, một số cổ phiếu mà chúng tôi cho rằng NĐT có thể quan sát giải ngân nếu có nhịp điều chỉnh mạnh của thị trường gồm GMD, FPT, và QNS.

Theo dòng câu chuyện M&A thì **GMD** (GMT: 53.300 đồng, đang cập nhật mới) cũng là cổ phiếu mà quý NĐT có thể quan tâm. Trong Q4/2022, Công ty công bố doanh thu và LNST của cổ đông cty mẹ Q4/2022 lần lượt đạt 1.066 tỷ đồng (+3% YoY) và 189 tỷ đồng (+0% YoY). Lũy kế hết năm 2022, DTT và LNST lần lượt đạt 3.916 tỷ đồng (+22% YoY) và 1.157 tỷ đồng (+60% YoY).

Nhu cầu vận chuyển hàng hóa quốc tế thấp khiến KQKD quý 4/2022 của Gemalink (GML) không đạt kỳ vọng của chúng tôi, với mức lỗ ghi nhận trong kỳ là 25 tỷ đồng. Triển vọng kém khả quan của kinh tế thế giới có thể sẽ khiến hiệu quả hoạt động của GML tiếp tục kém khả quan trong những quý đầu năm 2023. Chúng tôi ước tính lợi nhuận sau thuế ròng của GMD do vậy chỉ tăng trưởng 10% YoY.

Mặc dù vậy, câu chuyện thanh lý cảng Nam Hải Đình Vũ (NHĐV) có thể là xúc tác cho giá cổ phiếu trong ngắn hạn. Thông tin cập nhật gần nhất của chúng tôi là GMD đã nhận đặt cọc và có thể sẽ hoàn tất thương vụ trong Q1/2023. Như vậy, nếu thương vụ được hiện thực hóa, GMD có thể sẽ ghi

nhận lợi nhuận đột biến trong Q1 nói riêng và cả năm 2023 nói chung. Bên cạnh đó, dòng tiền từ bán cảng sẽ giúp GMD có thêm nguồn vốn bổ sung cho việc xây dựng GML giai đoạn 2.

Trong Q4/2022, **FPT** (GMT: 107.300 đồng) ghi nhận doanh thu 13.053 tỷ đồng (+22% YoY). Trong đó, khối CNTT tăng trưởng 21% YoY với động lực đến từ mảng dịch vụ CNTT quốc tế. Việc phát sinh chi phí hoạt động và chi phí dự phòng cao trong kỳ khiến biên LNTT của mảng CNTT sụt giảm mạnh và ảnh hưởng đến kết quả tăng trưởng LNTT chung. Tốc độ tăng trưởng LNTT do vậy đạt 13% YoY, tương ứng 1.989 tỷ đồng, thấp hơn tốc độ tăng trưởng doanh thu. Lũy kế cả năm 2022, FPT vẫn duy trì được mức tăng trưởng LNTT hai chữ số, đạt 21% YoY, lên 7.654 tỷ đồng.

Triển vọng kinh tế thế giới kém khả quan có thể tiếp tục ảnh hưởng biên lợi nhuận của FPT trong năm 2023 khiến tăng trưởng lợi nhuận dự báo sẽ giảm tốc so với mức tăng trưởng của năm 2022. Dù vậy, FPT vẫn là một trong những số ít doanh nghiệp lớn mà chúng tôi cho rằng có khả năng duy trì mức tăng trưởng lợi nhuận cao so với bình quân toàn thị trường. Do đó, khi có nhịp điều chỉnh diễn ra, NGT với mục tiêu nắm giữ ba tháng có thể cân nhắc tích lũy cổ phiếu này.

Xu hướng tăng giá đường sẽ hỗ trợ KQKD của **QNS** (GMT: 40.800 đồng) trong nửa đầu 2023. Trong Q4/2022, mảng đường ghi nhận mức tăng doanh thu và lợi nhuận gộp lần lượt là 7% YoY và 21% YoY, nhờ tăng cả sản lượng và giá bán sau khi có thuế chống bán phá giá đường. Chúng tôi cho rằng tác động tích cực của thuế này sẽ tiếp tục hỗ trợ giá bán đường trong nửa đầu 2023. Theo đó, lợi nhuận Q1/2023 của mảng đường sẽ tăng trưởng khả quan trên mức nền thấp cùng kỳ, bù đắp cho sự kém sắc của mảng sữa. Tựu trung, chúng tôi kỳ vọng lợi nhuận hợp nhất của QNS trong Q1/2023 có thể tăng trưởng ít nhất 10% YoY. Giá cổ phiếu hiện tại đang cho mức tỷ suất cổ tức hấp dẫn. Với mức tỷ suất cổ tức tiền mặt 8%/năm theo giá thị trường, QNS có thể là một sự lựa chọn an toàn cho nhà đầu tư trong bối cảnh biến động của thị trường.

Bảng 6: Cổ phiếu ưa thích năm 2023

Mã	VHTT (tỷ đồng)	Giá đóng cửa (đồng)	Vùng mua xem xét (k. đồng)	GMT (đồng)	Tăng trưởng DT (% YoY)		Tăng trưởng LNST CƠ MỆ (% YoY)		P/E (x)		PB (x)		Beta 6 tháng (x)
					Q4 2022	FY 2022	Q4 2022	FY 2022	Hiện tại	TB 2017 - 19	Hiện tại	TB 2017 - 19	
GMD	15.973	53.000	45-48	53.300	2,7	22,1	2,7	22,1	16,1	19,4	2,3	2,2	0,8
FPT	89.846	81.900	72-74	107.300	21,8	23,4	21,8	23,4	16,9	16,1	4,3	3,7	0,7
QNS	13.180	36.924	35-36	40.800	24,9	12,6	24,9	12,6	10,3	N.a.	1,8	N.a.	1,1
MWG	73.022	49.900	42-45	61.900	-15,4	8,5	-15,4	8,5	17,8	5,9	3,1	2,0	1,1
PNJ	28.044	85.500	78-80	107.000	16,9	73,3	16,9	73,3	15,2	18,4	3,3	4,7	0,7
KDH	19.068	26.600	22-24	37.300	109,2	-22,1	109,2	-22,1	17,2	14,6	1,6	1,6	1,7
NLG	10.677	27.800	22-23	27.000	-63,1	-16,6	-63,1	-16,6	18,8	8,2	1,2	1,5	2,3
STK	2.491	30.450	26-28	32.500	-13,5	3,5	-13,5	3,5	9,4	10,9	1,6	1,8	0,7
DBD	3.069	41.000	38-39	45.000	14,9	-0,2	14,9	-0,2	12,6	13,3	2,3	2,4	0,2
KBC	17.655	23.000	20-21	25.000	-126,9	-77,5	-126,9	-77,5	10,2	10,9	1,1	1,1	2,0
LHG	1.128	22.550	20-21	33.000	61,9	-19,5	61,9	-19,5	5,6	6,5	0,7	0,9	1,5
ACB	84.436	25.000	22-23	30.000	32,7	22,2	32,7	22,2	6,2	7,6	1,4	1,4	1,0
CTG	140.328	29.200	24-26	27.300	24,2	21,5	24,2	21,5	8,3	18,4	1,3	1,4	1,1
MBB	85.919	18.950	16-17	22.000	16,2	23,4	16,2	23,4	4,9	7,0	1,1	1,1	1,3
VCB	428.766	90.600	83-85	90.200	25,5	20,0	25,5	20,0	14,3	27,1	3,1	4,5	0,9
VPB	123.523	18.400	17-17,5	20.800	15,3	30,5	15,3	30,5	6,8	5,1	1,3	1,1	1,1
DRC	2.602	21.900	20-21	31.000	-16,4	11,9	-16,4	11,9	8,4	13,7	1,4	1,5	1,2
GEG	4.749	14.750	13-14	15.700	12,0	51,6	12,0	51,6	15,1	13,1	1,1	1,2	1,9
HND	6.823	13.646	12,5-13	16.900	0,9	16,4	0,9	16,4	12,0	N.a.	1,1	N.a.	1,4
PC1	6.369	23.550	20-22	26.000	9,0	-15,2	9,0	-15,2	14,2	8,2	1,2	0,9	2,5
HPG	123.855	21.300	18-19,5	21.300	-42,2	-5,5	-42,2	-5,5	14,6	4,6	1,3	0,9	1,6
HSG	8.672	14.500	11,0-12,0	14.400	-53,2	-100,0	-53,2	-100,0	-8,1	14,6	0,9	0,8	2,0
PVD	10.923	19.650	17-18	21.500	9,4	35,9	9,4	35,9	-111,0	74,5	0,8	0,5	1,6
VNM	160.300	76.700	70-73	93.800	-4,7	-1,6	-4,7	-1,6	18,8	12,1	5,4	4,9	0,5
FMC	2.406	36.800	34-35	45.000	-16,2	9,7	-16,2	9,7	7,8	8,2	1,3	1,9	1,2

Nguồn: CTCK Rồng Việt

DANH SÁCH CỔ PHIẾU QUAN TÂM

Mã	Sàn	VHTT (triệu USD)	Giá mục tiêu (đồng)	Giá @3/2/2023 (đồng)	Lợi nhuận kỳ vọng (%)	Khuyến nghị	2021		2022F		2023F		PE 2022F (x)	PE 2023F (x)	PB hiện tại (x)	Tỷ suất cổ tức (%)	±/± Giá 1 năm (%)	GTGDĐQ 3 tháng (nghìn USD)
							±/± DT (%)	±/± LNST (%)	±/± DT (%)	±/± LNST (%)	±/± DT (%)	±/± LNST (%)						
LHG	HOSE	54	33.000	22.550	55%	Mua	21,5	48,5	-6,2	-32,2	16,1	70,5	6,0	3,5	0,8	8,4	-47,7	122,8
DRC	HOSE	120	31.000	21.900	47%	Mua	20,1	13,4	18,3	7,9	5,4	12,7	9,2	8,2	1,4	5,5	-12,0	277,6
KDH	HOSE	875	37.300	26.600	40%	Mua	-17,4	4,3	-25,7	20,0	18,4	-6,0	13,6	14,0	1,7	0,0	-38,4	4.612,2
BFC	HOSE	44	20.800	16.750	36%	Mua	42,2	64,5	20,4	-7,1	-3,4	-8,8	5,2	6,6	0,9	11,9	-27,1	83,5
PHR	HOSE	269	54.000	43.450	33%	Mua	19,0	-49,8	-13,1	120,3	4,8	-24,4	5,6	7,4	1,9	9,2	-36,5	1.125,8
FPT	HOSE	3.995	107.300	81.900	33%	Mua	19,5	22,5	19,0	31,8	19,9	18,7	15,8	13,3	4,4	2,4	14,3	4.903,9
HND	UPCOM	303	16.900	13.646	31%	Mua	-16,9	-69,5	17,6	67,9	3,7	30,6	9,7	7,4	1,1	7,3	-23,2	8,3
FMC	HOSE	108	45.000	36.800	28%	Mua	17,8	18,1	17,1	22,6	4,0	9,2	7,4	6,7	1,3	5,4	-22,3	89,7
PNJ	HOSE	1.290	107.000	85.500	27%	Mua	12,0	-3,4	63,1	66,5	6,5	7,9	12,1	12,0	3,5	2,3	18,6	2.162,4
VNM	HOSE	7.027	93.800	76.700	27%	Mua	2,2	-5,1	2,6	-5,8	6,6	15,2	18,0	15,6	5,4	5,0	-2,3	7.589,2
MWG	HOSE	2.968	61.900	49.900	27%	Mua	13,3	25,0	13,2	-13,0	0,7	22,5	17,2	14,3	2,9	3,0	-29,4	6.985,2
PVT	HOSE	302	23.300	19.000	25%	Mua	-0,2	-0,5	23,0	29,4	-1,1	-7,0	7,7	8,2	1,2	2,6	0,9	1.868,5
MSH	HOSE	111	40.000	34.000	24%	Mua	24,5	90,8	11,9	-19,8	-3,1	1,7	7,4	7,3	1,6	5,9	-31,8	154,4
HAX	HOSE	46	20.900	17.350	23%	Mua	-0,3	28,2	21,5	69,9	6,3	-13,2	3,7	4,3	1,2	2,9	-22,5	363,0
DPR	HOSE	106	65.800	56.000	23%	Mua	6,7	152,0	11,4	12,3	-10,4	-15,9	5,0	5,9	1,0	5,4	-9,5	252,7
ACB	HNX	3.837	30.000	25.000	20%	Tích lũy	29,7	25,0	17,6	46,8	12,2	5,8	6,1	5,7	1,5	0,0	-5,8	5.231,8
HDB	HOSE	2.046	21.800	18.350	19%	Tích lũy	21,6	42,5	30,5	34,4	17,7	9,6	4,7	4,3	1,3	0,0	-24,6	2.878,9
QNS	UPCOM	563	40.800	36.924	19%	Tích lũy	13,0	17,9	9,9	1,0	6,0	9,9	9,0	8,2	1,8	8,1	-18,9	371,8
NT2	HOSE	362	29.400	26.900	19%	Tích lũy	1,1	-14,6	45,0	42,8	-1,1	-6,0	10,4	11,1	1,9	9,3	37,8	868,1
TCB	HOSE	4.510	33.000	28.000	18%	Tích lũy	37,1	46,4	16,8	19,4	9,4	-3,0	4,6	4,7	0,9	0,0	-44,3	10.899,5
TNG	HNX	73	17.200	15.300	18%	Tích lũy	0,2	0,5	24,1	27,0	-6,2	-7,4	5,1	6,0	0,9	5,2	-34,5	1.240,2
MBB	HOSE	3.866	22.000	18.950	16%	Tích lũy	35,0	53,7	18,0	42,2	12,4	8,3	4,4	4,1	1,2	0,0	-30,4	10.239,1
FRT	HOSE	381	80.300	70.600	15%	Tích lũy	53,4	1.695,1	29,7	-11,9	22,5	7,9	21,4	19,8	4,4	1,4	26,7	3.112,8
ACV	UPCOM	8.087	96.600	84.934	14%	Tích lũy	-38,4	-90,8	176,3	780,9	21,0	-9,5	25,3	27,9	4,2	0,0	-1,9	512,2
HDG	HOSE	365	35.900	32.000	12%	Tích lũy	-23,2	11,3	-8,5	29,9	1,4	0,4	6,7	6,9	1,5	0,0	-31,8	2.673,8
IMP	HOSE	167	63.000	57.500	12%	Tích lũy	-7,5	-9,8	22,1	17,4	8,3	8,1	19,6	18,2	2,0	2,6	-23,6	17,4
DPM	HOSE	746	40.700	42.600	12%	Tích lũy	64,7	349,6	39,6	78,2	-22,2	-46,5	3,0	5,6	1,2	16,4	18,0	3.504,2
PC1	HOSE	308	26.000	23.550	10%	Tích lũy	47,4	36,8	-14,4	-41,0	20,3	62,8	17,3	10,7	1,4	0,0	-11,2	1.796,9
DBD	HOSE	132	45.000	41.000	10%	Tích lũy	24,0	19,8	-5,3	17,0	13,0	13,3	14,3	15,1	2,2	0,0	5,3	254,5
PVD	HOSE	509	21.500	19.650	9%	Tích lũy	-23,7	-89,6	33,4	N/A	5,7	N/A	-65,1	34,5	0,8	0,0	-9,1	4.557,3
GEG	HOSE	232	15.700	14.750	9%	Tích lũy	-7,5	9,4	53,4	38,6	2,6	-2,8	12,7	14,2	1,2	2,7	-26,1	693,4

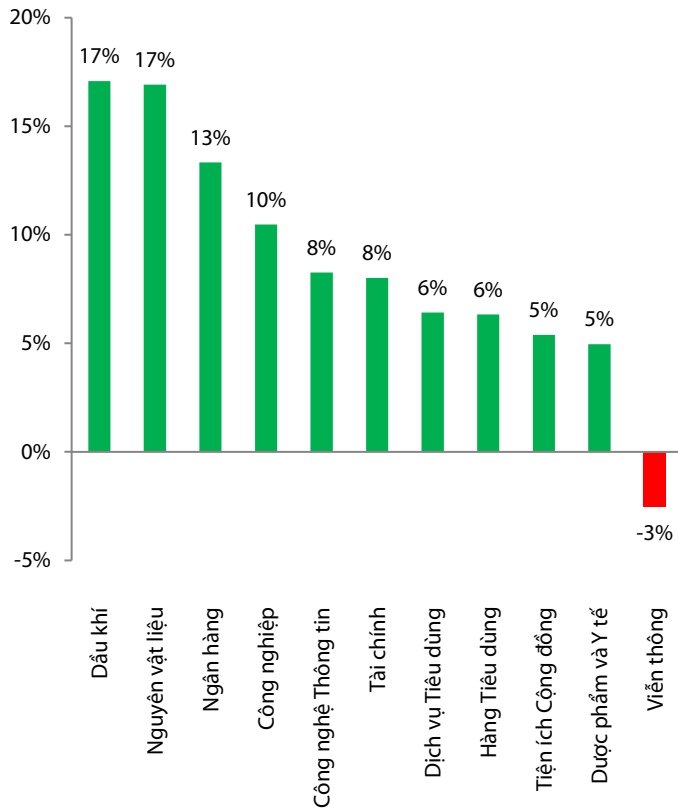


Mã	Sàn	VHTT (triệu USD)	Giá mục tiêu (đồng)	Giá @3/2/2023 (đồng)	Lợi nhuận kỳ vọng (%)	Khuyến nghị	2021		2022F		2023F		PE 2022F (x)	PE 2023F (x)	PB hiện tại (x)	Tỷ suất cổ tức (%)	+/- Giá 1 năm (%)	GTGDBQ 3 tháng (nghìn USD)
							+/- DT (%)	+/- LNST (%)	+/- DT (%)	+/- LNST (%)	+/- DT (%)	+/- LNST (%)						
KBC	HOSE	867	25.000	23.000	9%	Tích lũy	100,3	198,7	-30,7	287,0	77,2	-38,4	5,8	9,4	1,2	0,0	-35,7	7.645,1
STK	HOSE	112	32.500	30.450	8%	Tích lũy	15,7	94,2	7,1	-12,0	6,3	15,1	10,2	8,8	1,7	1,6	-30,3	50,1
VHC	HOSE	567	70.500	67.000	8%	Tích lũy	28,7	56,2	56,2	108,2	-14,8	-30,8	5,5	7,9	1,7	3,0	19,3	1.634,6
PPC	HOSE	201	14.300	14.250	7%	Tích lũy	-51,0	-71,5	32,5	26,0	39,7	50,0	16,6	11,1	0,9	6,3	-34,8	48,3
REE	HOSE	1.156	77.000	72.400	6%	Tích lũy	3,0	13,9	46,4	49,0	-3,1	-3,9	9,3	9,7	1,7	0,0	25,8	1.547,1
SCS	HOSE	300	76.500	72.900	5%	Trung lập	21,1	21,6	10,4	12,4	11,8	13,5	12,1	10,5	4,8	0,0	-10,4	132,6
MSN	HOSE	6.277	101.400	96.700	5%	Trung lập	14,8	593,9	-11,8	-57,5	4,7	-18,5	37,8	46,4	5,5	0,0	-14,5	7.096,0
HPG	HOSE	5.604	21.300	21.300	5%	Trung lập	66,1	156,6	-6,9	-72,0	-7,8	53,6	11,9	7,8	1,3	4,7	-30,8	28.809,3
GMD	HOSE	697	53.300	53.000	3%	Trung lập	23,1	65,4	16,9	71,4	9,3	10,8	15,2	15,2	2,3	2,3	26,4	1.573,8
VPB	HOSE	5.694	18.800	18.400	2%	Trung lập	13,5	13,4	30,5	66,2	5,5	-7,9	6,3	7,1	1,4	0,0	-20,4	20.325,8
NLG	HOSE	489	27.000	27.800	1%	Trung lập	134,8	28,3	-15,4	-67,7	63,1	334,1	45,5	10,3	1,3	3,6	-40,3	2.659,2
VCB	HOSE	18.967	90.200	90.600	0%	Trung lập	15,7	18,8	14,4	15,5	8,7	6,6	17,0	16,0	3,2	0,0	3,3	5.329,6
HSG	HOSE	404	14.400	14.500	-1%	Trung lập	88,2	183,7	-12,1	-94,3	-30,6	70,1	34,5	21,9	0,9	0,0	-38,7	7.588,3
ELC	HOSE	33	11.400	12.400	-3%	Trung lập	-17,8	0,5	21,2	-14,1	10,5	2,8	16,0	15,6	0,9	4,8	-33,3	113,9
PGI	HOSE	131	24.800	26.900	-3%	Trung lập	1,3	101,2	3,0	-26,1	13,8	15,4	9,3	7,4	1,7	4,5	23,1	9,3
CTG	HOSE	6.392	27.300	29.200	-7%	Giảm	17,4	3,0	21,6	13,0	4,3	5,8	12,6	11,9	1,4	0,0	-17,3	7.062,5
PVS	HNX	534	21.500	23.900	-7%	Giảm	-29,5	-3,5	3,8	4,3	7,6	0,5	20,2	20,1	1,0	2,9	-2,4	6.439,1
HAH	HOSE	119	32.500	37.300	-9%	Giảm	64,1	222,1	28,7	87,2	-14,5	-35,6	3,4	5,3	1,2	4,0	-12,7	2.793,9
BID	HOSE	9.949	37.400	43.150	-13%	Giảm	24,7	48,1	12,5	81,3	6,9	4,9	14,2	14,5	2,3	0,2	-5,9	3.222,3
CMG	HOSE	283	36.500	42.400	-14%	Giảm	21,4	36,9	14,4	14,3	15,7	36,0	23,2	17,0	2,8	0,0	18,9	131,6
TCM	HOSE	179	39.800	47.450	-15%	Giảm	1,9	-48,2	19,3	85,9	-4,5	-1,1	16,3	16,5	2,1	1,1	-12,9	1.291,9
OCB	HOSE	1.123	15.800	18.800	-16%	Giảm	11,3	24,6	-9,9	-31,6	13,9	10,3	9,0	8,5	1,0	0,0	-32,0	1.131,1

Nguồn: CTCK Rồng Việt; dữ liệu tại ngày 03/02/2023

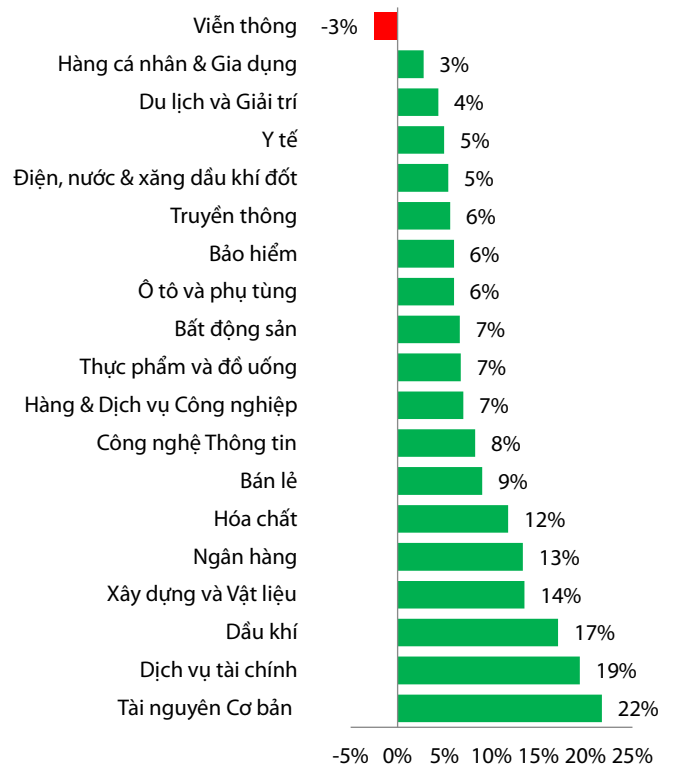
CHỈ SỐ CÁC NHÓM NGÀNH

Biến động nhóm ngành cấp 1



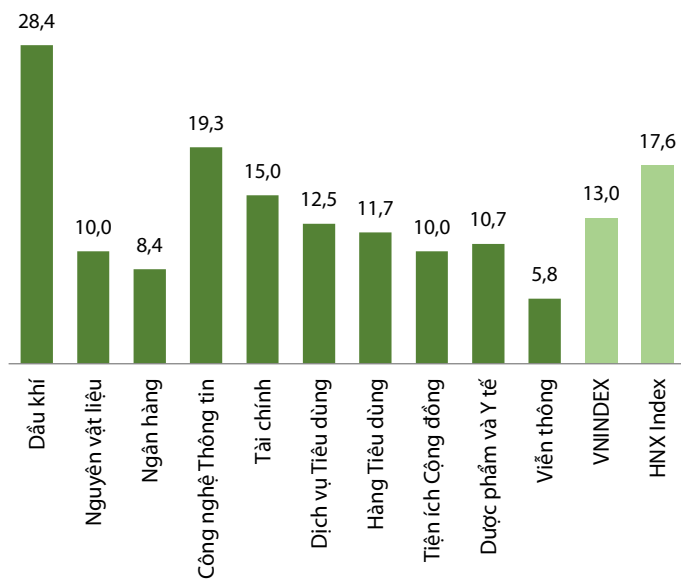
Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Biến động chỉ số nhóm ngành cấp 2



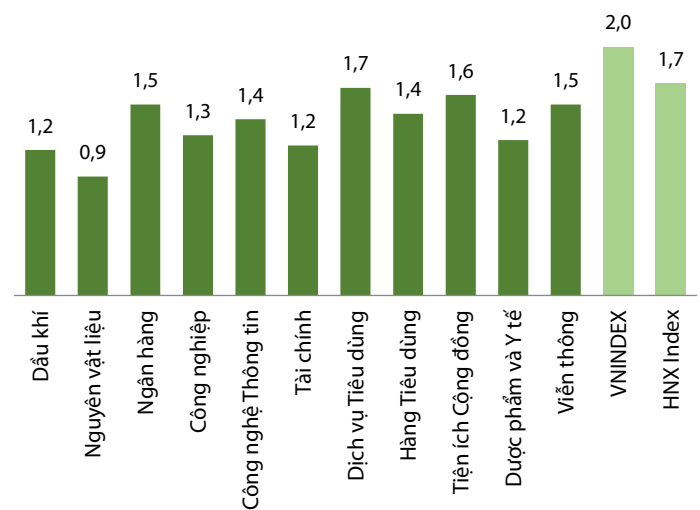
Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

So sánh chỉ số P/E ngành



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt.

So sánh chỉ số P/B ngành



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

Nguyễn Thị Phương Lam **Head of Research**

lam.ntp@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1313)
• Thị trường
• BĐS Khu công nghiệp

Trần Hà Xuân Vũ **Senior Manager**

vu.thx@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1512)
• Dầu khí
• Phân bón

Phạm Thị Tố Tâm **Manager**

tam.ptt@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1530)
• Ngân hàng
• Bảo hiểm
• Vật liệu xây dựng

Đỗ Thanh Tùng **Manager**

tung.dt@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1521)
• Hàng không
• Logistics
• Thị trường

Nguyễn Thị Ngọc An **Senior Analyst**

an.ntn@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1541)
• Thực phẩm & Đồ uống
• Ô tô & Phụ tùng

Lê Tự Quốc Hưng **Analyst**

anh.tk@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1546)
• Thị trường
• Bất động sản KCN

Nguyễn Hồng Loan **Analyst**

loan.nh@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1531)
• Bán lẻ
• Thủy sản
• Thực phẩm & Đồ uống

Nguyễn Ngọc Thảo **Analyst**

thao.nn@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1524)
• Tiện ích công cộng
• Ngân hàng

Cao Ngọc Quân **Analyst**

quan.cn@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (2223)
• Cảng biển
• Dược

Trịnh Thị Thu Hoài **Analyst**

hoai.ttt@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1545)
• Dệt may
• Tiện ích công cộng

Bernard Lapointe **Senior Consultant**

bernard.lapointe@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006

Trần Thị Hà My **Senior Consultant**

my.tth@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006
• Kinh tế vĩ mô

Nguyễn Hà Trinh **Senior Consultant**

trinh.nh@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006

Trần Thị Ngọc Hà **Assistant**

ha.ttn@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1526)

Bùi Đăng Cát Khánh **Assistant**

khanh.bdc@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. CTCK RỒNG VIỆT tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được CTCK RỒNG VIỆT thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của CTCK RỒNG VIỆT. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của CTCK RỒNG VIỆT đều trái luật. Bản quyền thuộc CTCK RỒNG VIỆT, 2023.

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT - HỘI SỞ

Lầu 1-2-3-4, tòa nhà Viet Dragon
141 Nguyễn Du, P. Bến Thành, Q.1, TP.HCM

T (+84) 28 6299 2006 **E** info@vdsc.com.vn
F (+84) 28 6291 7986 **W** www.vdsc.com.vn

MST 0304734965

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 10, Tòa nhà Eurowindow
02 Tôn Thất Tùng, P. Trung Tự, Q. Đống Đa, Hà Nội

T (+84) 24 6288 2006
F (+84) 24 6288 2008

CHI NHÁNH NHA TRANG

Tầng 7, số 76 Quang Trung, P. Lộc Thọ,
TP. Nha Trang, Khánh Hòa

T (+84) 25 8382 0006
F (+84) 25 8382 0008

CHI NHÁNH CẦN THƠ

Tầng 8, Tòa nhà Sacombank
95-97-99 Võ Văn Tần, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, Cần Thơ

T (+84) 29 2381 7578
F (+84) 29 2381 8387

CHI NHÁNH VŨNG TÀU

Tầng 2 VCCI Building, số 155 Nguyễn Thái Học,
P.7, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

T (+84) 25 4777 2006

CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG

Tầng 3 Becamex Tower, số 230 Đại lộ Bình Dương,
P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

T (+84) 27 4777 2006

CHI NHÁNH ĐỒNG NAI

Tầng 8 Toà nhà TTC Plaza, số 53-55 Võ Thị Sáu,
P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

T (+84) 25 1777 2006

